

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 7 - 2019
“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hải Ba

2/ Bà Nguyễn Thị Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 “ V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ trụ sở: Số 169 L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đức A- Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách và xã hội huyện Y - Theo Quyết định ủy quyền ngày 25/11/2016 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 04/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau ngày 15/01/2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, anh S nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác nên nhiều lần xúc phạm, chửi bới, đánh đập chị. Cuối tháng 10/2018, chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 3, G xã T, huyện Y sinh sống và ly thân từ đó cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh thừa nhận chị L trình bày về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng và thời điểm ly thân là đúng. Tuy nhiên, theo anh S giữa anh và chị chỉ có mâu thuẫn nhỏ, có lần anh tát chị 01 đến 02 cái là do chị L đi chơi với bạn không nói với anh nên vợ chồng mâu thuẫn. Chị L đề nghị ly hôn, anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Chị L và anh S có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 11/02/2002; Nguyễn Thị Thu C, sinh ngày 30/9/2005 và cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 09/02/2011. Các cháu đang sinh sống cùng anh Nguyễn Văn S. Ly hôn, chị L và anh S cùng đề nghị được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn D và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị L đề nghị được nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Các cháu Nguyễn Thị Thu B; Nguyễn Thị Thu C và cháu Nguyễn Văn D đều có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Về khoản nợ, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh S vay của chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 và anh Doãn Văn V, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 3, G, xã T, huyện Y số tiền là 80.000.000đ. Vay của ông Nguyễn Hồng E, sinh năm 1950, bà Trần Thị F, sinh năm 1951. Địa chỉ: Thôn 3, G, xã T, huyện Y 13 chỉ vàng, anh Nguyễn Hữu G, sinh năm 1979, địa chỉ: Xóm 4, thôn Đ, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội 01 cây vàng. Chị L đề nghị anh S có nghĩa vụ cùng chị trả các khoản nợ trên. Tuy nhiên, do anh S không thừa nhận việc vay nợ trên nên chị L có đơn xin rút toàn bộ các yêu cầu này.

Chị L và anh S đều thừa nhận vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y tổng cộng 62.000.000đ (trong đó 12.000.000đ theo diện nước sạch, 50.000.000đ theo diện hộ cận nghèo). Chị L đề nghị anh S có nghĩa vụ cùng chị trả khoản nợ này, anh S cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Chị L yêu cầu chia thừa đất số 600, tờ bản đồ số 17, diện tích 535,6m² và các cây trồng trên đất tại thôn 3, xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh

Vĩnh Phúc. Nhưng sau đó đã có đơn xin rút yêu cầu đối với việc chia thừa đất trên. Ngoài ra, chị L và anh S không yêu cầu vấn đề nào khác.

Đại diện Phòng giao dịch- Ngân hàng chính sách và xã hội huyện Y, trình bày: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn S vay Ngân hàng chính sách và xã hội huyện Y theo chương trình hộ cận nghèo ngày 09/5/2018 với số tiền 50.000.000đ, lãi suất 7,92%/năm; thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/5/2023. Vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn ngày 11/02/2015 số tiền 12.000.000đ, lãi suất 9,6%/năm; thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 08/02/2020. Do các khoản vay chưa đến hạn trả nợ cuối cùng nên Ngân hàng đề nghị xác định phần nghĩa vụ chị L, anh S phải trả gốc, lãi đối với các khoản vay trên.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L và giao cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu C và Nguyễn Văn D. Giao cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu B. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị L và anh S là vợ chồng, chị L có đơn đề nghị ly hôn, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Xét về yêu cầu của các đương sự:

[2]. Về tình cảm: Chị L và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị L về nhà bố mẹ để sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Anh S thừa nhận chị L trình bày như trên là đúng nhưng không đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh S là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị L và anh S có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 11/02/2002; Nguyễn Thị Thu C, sinh ngày 30/9/2005 và cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 09/02/2011. Các cháu đang sinh sống cùng anh Nguyễn Văn S. Ly hôn, chị L đề nghị được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con

chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Anh S đề nghị được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn D. Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, các cháu Nguyễn Thị Thu C và Nguyễn Văn D còn nhỏ, chị L có nghề nghiệp buôn bán có thu nhập và ổn định. Để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng và cũng là nguyện vọng của các cháu, nên cần giao cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Uyên và Anh là phù hợp. Giao cho anh S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu B. Chị L và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về các khoản vay và tài sản là đất: Chị Nguyễn Thị L đề nghị chia thừa đất số 600, tờ bản đồ số 17, diện tích 535,6m² và cây trồng trên đất ở thôn 3, xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L xin rút toàn bộ các yêu cầu này. Ngoài ra, chị L còn đề nghị anh S có nghĩa vụ cùng chị trả các khoản vay của chị Nguyễn Thị N và anh Doãn Văn V 80.000.000đ; ông Nguyễn Hồng E và bà Trần Thị F 13 chỉ vàng; anh Nguyễn Hữu G 01 cây vàng. Sau đó chị L xin rút toàn bộ các yêu cầu này. Xét thấy, yêu cầu của chị L là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị L đối với các yêu cầu trên; nếu sau này chị L khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí đối với yêu cầu đình chỉ xét xử.

Đối với khoản vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y, chị L và anh S đều thừa nhận vay 62.000.000đ (trong đó 12.000.000đ theo diện nước sạch, 50.000.000đ theo diện hộ cận nghèo). Do các khoản nợ chưa đến hạn trả nợ cuối cùng nên Ngân hàng chỉ đề nghị xác định phần nghĩa vụ chị L, anh S phải trả gốc, lãi đối với các khoản vay mà không yêu cầu chị L và anh S phải trả ngay toàn bộ các khoản nợ này. Anh S và chị L thống nhất, thỏa thuận cùng có nghĩa vụ trả các khoản nợ này. Xét thấy, thỏa thuận của chị L và anh S là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận là phù hợp.

Các vấn đề khác chị L và anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chị L Tự nguyện chịu và không có đề nghị gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 37; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu C, sinh ngày 30/9/2005 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 09/02/2011; Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu B, sinh ngày 11/02/2002 cho đến khi thành niên. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc chia thừa đất số 600, tờ bản đồ số 17, diện tích 535,6m² và toàn bộ cây trồng trên đất do chị L rút yêu cầu. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị L đối với yêu cầu anh S có nghĩa vụ cùng chị trả các khoản vay của chị Nguyễn Thị N và anh Doãn Văn V 80.000.000đ; ông Nguyễn Hồng E và bà Trần Thị F 13 chỉ vàng; anh Nguyễn Hữu G 01 cây vàng.

4/ Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh S đối với khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y. Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn S mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 6.000.000đ vay theo diện nước sạch và 25.000.000đ vay theo diện hộ cận nghèo và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0000597 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 2.500.000đ tiền yêu cầu chia tài sản chung theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0000762 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.”

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Tuấn